

Số: /ĐA-SYT

Điện Biên, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương
của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026**

Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

Hiện nay, Sở Y tế tỉnh Điện Biên có tổng số 22 cơ quan, đơn vị trực thuộc trong đó: 02 đơn vị hành chính, 20 đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế. Với số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế được UBND tỉnh giao năm 2026 là: **3.297** viên chức, hiện đang sử dụng là **3.071** viên chức trong đó hạng I: **0** người; hạng II: **59** người chiếm 1,92% (bao gồm cả lãnh đạo quản lý); hạng III: **1.661** người chiếm 54,09%; hạng IV **1.349** người chiếm 43,93% (số liệu tính đến 01/3/2026). Ngành Y tế là ngành nghề đặc biệt, số lượng người làm việc rất lớn, tỉ lệ thuận với công việc cụ thể phải thực hiện có mức độ phức tạp công việc của chức danh nghề nghiệp, số lượng nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp năm 2026 hạng II và tương đương là 849 người (trong đó vị trí việc làm lãnh đạo quản lý 713 người, vị trí việc làm chức danh chuyên ngành và liên quan 132, vị trí chuyên môn dùng chung 04 người) nhu cầu hạng II và tương đương cao hơn so với các chức danh thuộc ngành khác trên địa bàn tỉnh (814 người). Mặt khác căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương là 54 người

Để đảm bảo chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Y tế phù hợp với vị trí việc làm và năng lực công tác của viên chức trong các đơn vị sự nghiệp Y tế, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng hoạt động nghề nghiệp, cũng như tạo động lực để viên chức phát huy năng lực trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở y tế công lập trong việc bố trí, sắp xếp viên chức đúng vị trí công tác và nhu cầu công việc.

Việc xây dựng “Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026” là cần thiết để góp phần nâng cao năng lực, chất

lượng đội ngũ viên chức hiện có của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, đáp ứng yêu cầu công việc theo vị trí việc làm đang được phân công đồng thời thực hiện chế độ, chính sách cho viên chức.

II. Căn cứ pháp lý

Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Thông tư số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Liên Bộ Y tế-Nội vụ, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của liên Bộ Y tế -Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Thông tư 03/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức;

Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên;

Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương trở xuống thuộc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Văn bản hướng dẫn số 748/SNV-CCVC ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Phần II

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG VÀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hóa Chức danh nghề nghiệp viên chức Ngành Y tế đáp ứng yêu cầu phân công, bố trí theo Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp y tế đã được phê duyệt.

- Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xuất phát từ vị trí việc làm, lựa chọn phân công và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn đối với những viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, chức trách công việc của viên chức trong thời kỳ đổi mới.

- Khuyến khích đội ngũ viên chức tự giác học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện tốt hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức vào các chức danh nghề nghiệp cao hơn, nhằm từng bước đảm bảo đủ số lượng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Yêu cầu và nguyên tắc xét thăng hạng

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức bảo đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Đề án này quy định việc Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng

Viên chức Ngành Y tế hiện đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; các đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề quy định.

Phần III

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (tính đến ngày 01/3/2026); SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TẠI ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT; SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ỨNG VỚI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Ngành Y tế có 20 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế, gồm 10 Trung tâm Y tế 04 bệnh viện tuyến tỉnh, 04 Trung tâm tuyến tỉnh, 01 Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp và 01 Trường đào tạo.

Tổng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế được UBND tỉnh giao năm 2025: **3.297** người làm việc theo Văn bản số 763/UBND-NC, ngày 28/02/2025 về việc thực hiện số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư năm 2025: **520** người làm việc; Quyết định số 467/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025 về việc tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc tỉnh Điện Biên năm 2025: **317** người làm việc; Quyết định số 433/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025 về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc tỉnh Điện Biên năm 2025: **2.460** người làm việc.

Theo Đề án vị trí việc làm: Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập; để nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức ngành Y tế, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ và chất lượng cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống y tế, xác định cơ cấu viên chức theo các hạng chức danh nghề nghiệp thuộc các đơn vị sự nghiệp năm 2026.

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của ngành y tế (tính đến ngày 01/3/2026): **3.071** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 656 người, chiếm 21,36% cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng II và tương đương: 55 người, chiếm 1,79%

+ Hạng III và tương đương: 527 người, chiếm 17,16%

+ Hạng IV và tương đương: 74 người, chiếm 2,41%

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 2.228 người, chiếm 72,55% cụ thể
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng II và tương đương: 03 người, chiếm 0,10%
- + Hạng III và tương đương: 992 người, chiếm 32,30%
- + Hạng IV và tương đương: 1.232 người, chiếm 40,12%
- + Hạng V và tương đương (nhân viên): 01 người chiếm 0,03%

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 186 người, chiếm 6,06 % cụ thể

- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,03%
- + Hạng III và tương đương: 142 người, chiếm 4,63%
- + Hạng IV và tương đương: 43 người, chiếm 1,40%

- Viên chức nhóm hỗ trợ phục vụ: 01 người chiếm 0,03%

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt **3.297** người trong đó

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 781 người, chiếm 23,69 % cụ thể

- + Hạng I và tương đương: 17 người, chiếm 0,52 %
- + Hạng II và tương đương: 713 người, chiếm 21,63 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 51 người, chiếm 1,55 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 2.317 người, chiếm 70,28 %, cụ thể

- + Hạng I và tương đương: 01 người, chiếm 0,03%
- + Hạng II và tương đương: 132 người, chiếm 4,00 %
- + Hạng III và tương đương: 1.065 người, chiếm 32,30%
- + Hạng IV và tương đương: 1.119 người, chiếm 33,94%

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 199 người, chiếm 6,04 % cụ thể

- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng II và tương đương: 04 người, chiếm 0,12%
- + Hạng III và tương đương: 172 người, chiếm 5,22%
- + Hạng IV và tương đương: 23 người, chiếm 0,70 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 814 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 675 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 136 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 03 người
- * Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 54 chỉ tiêu
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 37 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 17 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 01 người

I. Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp tại đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập (tính đến ngày 01/3/2026); số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp chia ra theo từng đơn vị như sau:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh (đơn vị tự chủ nhóm 2)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có (tính đến ngày 01/3/2026): **480** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 83 người, cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 32 người, chiếm 6,67%
 - + Hạng III và tương đương: 49 người, chiếm 10,21%
 - + Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 0,42%
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 353 người, chiếm 73,54 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 02 người, chiếm 0,42 %
 - + Hạng III và tương đương: 226 người, chiếm 47,08 %
 - + Hạng IV và tương đương: 125 người, chiếm 26,04 %
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 44 người, chiếm 9,17 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,21 %
 - + Hạng III và tương đương: 36 người, chiếm 7,50%
 - + Hạng IV và tương đương: 07 người, chiếm 1,46 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1071/QĐ-BVT ngày 30/12/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc Phê duyệt vị trí việc làm viên chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên và Thông báo số 92/TB-SYT ngày 10/3/2025 của Sở y tế về việc thực hiện số

lượng người làm việc năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên: **520** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 105 người, chiếm 20,19 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 16 người, chiếm 3,08 %

+ Hạng II và tương đương: 89 người, chiếm 17,12%

+ Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 375 người, chiếm 72,12 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 58 người, chiếm 11,15%

+ Hạng III và tương đương: 183 người, chiếm 35,19%

+ Hạng IV và tương đương: 134 người, chiếm 25,77 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 40 người, chiếm 7,69 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,19 %

+ Hạng III và tương đương: 37 người, chiếm 7,12 %

+ Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 0,38 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 129 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 73 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 56 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 17 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 07 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 10 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2. Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có (tính đến ngày 01/3/2026): **88** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 22 người, chiếm 25,0 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 03 người, chiếm 3,41 %

+ Hạng III và tương đương: 19 người, chiếm 21,59 %

- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 57 người, chiếm 64,77% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 32 người, chiếm 36,36 %
- + Hạng IV và tương đương: 25 người, chiếm 28,41%
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 09 người, chiếm 10,23 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 7,95 %
- + Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 2,27 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1532/QĐ -SYT ngày 21/11/2025 về việc Phê duyệt VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của BVYDCT-PHCN giai đoạn 2025-2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **90** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 27 người, chiếm 30,0 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 27 người, chiếm 30,0 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 53 người, chiếm 58,89 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 08 người, chiếm 8,89 %
- + Hạng III và tương đương: 36 người, chiếm 40,0 %
- + Hạng IV và tương đương: 09 người, chiếm 10 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 10 người, chiếm 11,11% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 10 người, chiếm 11,11 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 33 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 24 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 09 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- * Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 02 chỉ tiêu
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có (tính đến ngày 01/3/2026): **169** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 32 người, chiếm 18,93 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 02 người, chiếm 1,18 %

+ Hạng III và tương đương: 30 người, chiếm 17,75 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 122 người, chiếm 72,19 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 103 người, chiếm 60,95 %

+ Hạng IV và tương đương: 19 người, chiếm 11,24 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 15 người, chiếm 8,88 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 14 người, chiếm 8,28 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,59 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1694/QĐ-SYT ngày 15/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên Về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT ngày 18/7/2025 của Sở Y tế là: **179** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 45 người, chiếm 25,14 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 01 người, chiếm 0,56 %

+ Hạng II và tương đương: 44 người, chiếm 24,58 %

- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 114 người, chiếm 63,69 % cụ thể
- + Hạng I và tương đương: 01 người, chiếm 0,56 %
- + Hạng II và tương đương: 26 người, chiếm 14,53 %
- + Hạng III và tương đương: 81 người, chiếm 45,25 %
- + Hạng IV và tương đương: 06 người, chiếm 3,35 %
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 20 người, chiếm 11,17 % cụ thể
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 03 người, chiếm 1,68 %
- + Hạng III và tương đương: 17 người, chiếm 9,50 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- * Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 73 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 43 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 27 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 03 người
- * Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 08 chỉ tiêu
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 02 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 01 người

4. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (đơn vị tự chủ nhóm 4)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện (tính đến ngày 01/3/2026): **23** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người, chiếm 21,74 % cụ thể
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 05 người, chiếm 21,74 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 16 người, chiếm 17,39 % cụ thể
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- + Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 17,39 %
- + Hạng IV và tương đương: 12 người, chiếm 52,17 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 02 người, chiếm 8,70 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 01 người, chiếm 4,35 %
- + Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 4,35 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1420/QĐ-SYT ngày 17/10/2025 về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **23** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người, chiếm 25,74 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 05 người, chiếm 25,74 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 16 người, chiếm 69,57 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 17,39 %
- + Hạng IV và tương đương: 12 người, chiếm 52,17 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 02 người, chiếm 8,70 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 01 người, chiếm 4,35 %
- + Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 4,35 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 05 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

6. Trung tâm Pháp y (đơn vị tự chủ nhóm 4)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **15** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 04 người, chiếm 26,67% cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 26,67 %
 - + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 08 người chiếm 53,33 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
 - + Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 26,67 %
 - + Hạng IV và tương đương: 04 người, chiếm 26,67 %
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 03 người chiếm 20 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng III và tương đương: 01 người, chiếm 6,67 %
 - + Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 13,33 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1502/QĐ-SYT, ngày 12/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Pháp y, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT, ngày 18/7/2025 là: **15** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 04 người, chiếm 26,67% cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 04 người, chiếm 26,67 %
 - + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 08 người chiếm 53,33% cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 26,67%
- + Hạng IV và tương đương: 04 người, chiếm 26,67 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 03 người chiếm 20% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 01 người, chiếm 6,67 %
- + Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 13,33 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 04 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 04 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

8. Trung tâm Y tế Thanh An (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **300** người

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 57 người, chiếm 19,0 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,33 %
- + Hạng III và tương đương: 48 người, chiếm 16,0 %
- + Hạng IV và tương đương: 08 người, chiếm 2,67 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 232 người, chiếm 77,33% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 70 người, chiếm 23,33 %
- + Hạng IV và tương đương: 161 người, chiếm 53,67 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 11 người, chiếm 3,67% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 2,67 %

+ Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 1,0 %

- *Viên chức nhóm hỗ trợ, phục vụ: 01 người, chiếm 0,33 % cụ thể*

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1594/QĐ-SYT ngày 04/12/2025 Về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Thanh An, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **300** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 65 người chiếm 21,67 % cụ thể*

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 61 người, chiếm 20,33 %

+ Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng IV và tương đương: 04 người, chiếm 1,33 %

- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 222 người chiếm 74,0 % cụ thể*

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 07 người, chiếm 2,33 %

+ Hạng III và tương đương: 106 người, chiếm 35,33 %

+ Hạng IV và tương đương: 109 người, chiếm 36,33 %

- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 13 người chiếm 4,33% cụ thể*

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 12 người, chiếm 4,0 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,33 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 67 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 60 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 07 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

9. Trung tâm Y tế Điện Biên Đông (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **205** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 54 người, chiếm 26,34 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 02 người, chiếm 0,98 %

+ Hạng III và tương đương: 46 người, chiếm 22,44 %

+ Hạng IV và tương đương: 06 người, chiếm 2,93 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 143 người, chiếm 69,76 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 52 người, chiếm 25,37 %

+ Hạng IV và tương đương: 91 người, chiếm 44,39 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 08 người, chiếm 3,90% cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 3,41 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,49 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1672/QĐ-SYT ngày 12/12/2025 Về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Điện Biên Đông, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **210** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 59 người chiếm 28,10 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 53 người, chiếm 25,24 %

+ Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng IV và tương đương: 06 người, chiếm 2,86 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 143 người chiếm 68,10 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 53 người, chiếm 25,24 %

+ Hạng IV và tương đương: 90 người, chiếm 42,86 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 08 người chiếm 3,81% cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 3,33 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,48 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 51 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 51 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 03 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 03 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

10. Trung tâm Y tế Mường Ảng (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **212** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 48 người, chiếm 22,64 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,47 %

+ Hạng III và tương đương: 47 người, chiếm 22,17 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 154 người, chiếm 72,64 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 75 người, chiếm 35,38 %

+ Hạng IV và tương đương: 79 người, chiếm 37,26 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 10 người, chiếm 4,72 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 3,30 %

+ Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 1,42 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1670/QĐ-SYT về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Mường Ảng, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **238** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 58 người chiếm 24,37 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 58 người, chiếm 24,37 %

+ Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 168 người chiếm 70,59 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 02 người, chiếm 0,84 %

+ Hạng III và tương đương: 79 người, chiếm 33,19 %

+ Hạng IV và tương đương: 87 người, chiếm 36,55 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 12 người chiếm 5,04 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 10 người, chiếm 4,20 %

+ Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 0,84 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 59 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 57 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 02 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 02 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

11. Trung tâm Y tế Tuần Giáo (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **317** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 58 người, chiếm 18,30 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- + Hạng II và tương đương: 03 người, chiếm 0,95 %
- + Hạng III và tương đương: 47 người, chiếm 14,83 %
- + Hạng IV và tương đương: 08 người, chiếm 2,52 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 248 người, chiếm 78,23% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 91 người, chiếm 28,71 %
- + Hạng IV và tương đương: 156 người, chiếm 49,21 %
- + Hạng V và tương đương: 01 người, chiếm 0,32 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 11 người, chiếm 3,67% cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 2,67 %
- + Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 1,0 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1661/QĐ-SYT, Ngày 11/12/2025 Về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Tuần Giáo, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **336** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 55 người chiếm 16,37 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 55 người, chiếm 16,37 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 264 người chiếm 78,57 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 04 người, chiếm 1,19 %
- + Hạng III và tương đương: 126 người, chiếm 37,50 %
- + Hạng IV và tương đương: 134 người, chiếm 39,88 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 17 người chiếm 5,06 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 14 người, chiếm 4,17 %

+ Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 0,89 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 56 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 52 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 02 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

12. Trung tâm Y tế Tòa Chùa (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **227** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 48 người, chiếm 21,15 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 47 người, chiếm 20,70 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,44 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 170 người, chiếm 74,89 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 56 người, chiếm 24,67 %

+ Hạng IV và tương đương: 114 người, chiếm 50,22 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 09 người, chiếm 3,96 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 3,52 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,44 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1728/QĐ-SYT ngày 24/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên, về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Tòa Chùa, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973 /QĐ-SYT,

ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **245** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 58 người chiếm 23,67 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 57 người, chiếm 23,27 %

+ Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,41 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 178 người chiếm 72,65 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 04 người, chiếm 1,63 %

+ Hạng III và tương đương: 61 người, chiếm 24,90 %

+ Hạng IV và tương đương: 113 người, chiếm 46,12 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 09 người chiếm 3,67 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 3,27 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,41 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 61 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 57 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 06 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 01 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

13. Trung tâm Y tế Na Sang (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **194** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 47 người, chiếm 24,23 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 02 người, chiếm 1,03 %

+ Hạng III và tương đương: 28 người, chiếm 14,43 %

- + Hạng IV và tương đương: 17 người, chiếm 8,76 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 140 người, chiếm 72,16 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 47 người, chiếm 24,23 %
- + Hạng IV và tương đương: 92 người, chiếm 47,42 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 07 người, chiếm 3,61 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 4,12 %
- + Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,52 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại số 1514/QĐ-SYT ngày 17/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Na Sang, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **223** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 65 người chiếm 29,15 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 51 người, chiếm 22,87 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 14 người, chiếm 6,28 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 150 người chiếm 67,26 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,45 %
- + Hạng III và tương đương: 48 người, chiếm 21,52 %
- + Hạng IV và tương đương: 101 người, chiếm 45,29 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 08 người chiếm 3,59 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 3,59 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 50 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 49 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 01 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- * Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

14. Trung tâm Y tế Mường Lay (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **109** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 25 người, chiếm 22,94 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 01 người, chiếm 0,92 %

+ Hạng III và tương đương: 24 người, chiếm 22,02 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 77 người, chiếm 70,64 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 19 người, chiếm 17,43 %

+ Hạng IV và tương đương: 58 người, chiếm 53,21 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 07 người, chiếm 6,42 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng III và tương đương: 06 người, chiếm 5,50 %

+ Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 0,92 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-SYT ngày 14/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Mường Lay, giai đoạn 2025 – 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **117** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 25 người chiếm 21,37 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 25 người, chiếm 21,37 %

- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 85 người chiếm 72,65 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 27 người, chiếm 23,08 %
- + Hạng IV và tương đương: 58 người, chiếm 49,57 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 07 người chiếm 5,98 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 5,98 %
- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 24 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 24 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

16. Trung tâm Y tế Mường Nhé (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **164** người

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 37 người, chiếm 22,56 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 26 người, chiếm 15,85 %
- + Hạng IV và tương đương: 11 người, chiếm 6,71 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 117 người, chiếm 71,34 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 52 người, chiếm 31,71 %

- + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 10 người, chiếm 6,10 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 07 người, chiếm 4,27 %
- + Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 1,83 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1656/QĐ-SYT ngày 09/12/2015 của SYT Về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Y tế Mường Nhé, giai đoạn 2025 - 2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025; Quyết định số 314/QĐ-SYT ngày 12/3/2025 của Sở Y tế là: **192** người chia ra các hạng như sau:

- *Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 46 người chiếm 23,96 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 35 người, chiếm 18,23 %
- + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng IV và tương đương: 11 người, chiếm 5,73 %
- *Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 135 người chiếm 70,31 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng III và tương đương: 62 người, chiếm 32,29 %
- + Hạng IV và tương đương: 73 người, chiếm 38,02 %
- *Viên chức chuyên môn dùng chung: 11 người chiếm 7,86 % cụ thể*
- + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
- + Hạng III và tương đương: 08 người, chiếm 4,17 %
- + Hạng IV và tương đương: 03 người, chiếm 1,56 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 35 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 35 người
- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- * Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 02 chỉ tiêu
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

16. Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên (đơn vị tự chủ nhóm 3)

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị (tính đến ngày 01/3/2026): **36** người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 12 người, chiếm 33,33 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng III và tương đương: 11 người, chiếm 30,56 %
 - + Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 2,78 %
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 20 người, chiếm 55,56 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%
 - + Hạng III và tương đương: 20 người, chiếm 55,56 %
 - + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên môn dùng chung: 04 người, chiếm 11,11 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng III và tương đương: 03 người, chiếm 8,33 %
 - + Hạng IV và tương đương: 01 người, chiếm 2,78 %

* Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1507/QĐ-SYT ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên, giai đoạn 2025-2030 và số lượng người làm việc được giao theo Quyết định số 973/QĐ-SYT, ngày 18/7/2025 của Sở Y tế là: **49** người chia ra các hạng như sau:

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 14 người chiếm 28,57 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 14 người, chiếm 28,57 %
 - + Hạng III và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
- Viên chức chuyên ngành và liên quan khác: 29 người chiếm 59,18 % cụ thể
 - + Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %
 - + Hạng II và tương đương: 20 người, chiếm 40,82 %

+ Hạng III và tương đương: 09 người, chiếm 18,37 %

+ Hạng IV và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 06 người chiếm 12,24 % cụ thể

+ Hạng I và tương đương: 0 người, chiếm 0 %

+ Hạng II và tương đương: 0 người, chiếm 0%

+ Hạng III và tương đương: 04 người, chiếm 8,16 %

+ Hạng IV và tương đương: 02 người, chiếm 4,08 %

* Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 34 người

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 14 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 20 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

* Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 07 chỉ tiêu

- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 03 người

- Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người

- Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

II. Số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026

1. Căn cứ Mục II Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ quy định:

1.1 Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị tự chủ nhóm 1) và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 2)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 20%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 30%.

1.2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 4)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 40%.

Căn cứ khoản 3, mục III Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ quy định: *Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi ngạch công chức hoặc mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào ngạch (hạng) thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định.*

Như vậy, căn cứ vào số hiện có, các đơn vị Sự nghiệp ngành Y tế không có hạng I tỷ lệ hạng II (và tương đương) rất ít 1,92% bao gồm cả lãnh đạo quản lý vì vậy số hiện có đảm bảo phần trăm cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

2. Số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng II và tương đương còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương năm 2026

2.1. Bệnh viện đa khoa tỉnh (đơn vị tự chủ nhóm 2)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 129 người

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 73 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 56 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 17 chỉ tiêu

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 07 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 10 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.2. Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 33 người

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 24 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 09 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 02 chỉ tiêu

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 73 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 43 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 27 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 03 người
- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 08 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 02 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 01 người

2.4. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (đơn vị tự chủ nhóm 4)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 05 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 01 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.5. Trung tâm Pháp y (đơn vị tự chủ nhóm 4)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 04 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 04 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là 01 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.6. Trung tâm Y tế Thanh An (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 67 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 60 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 07 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 01 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.7. Trung tâm Y tế Điện Biên Đông (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 51 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 51 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 03 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 03 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.8. Trung tâm Y tế Mường Ảng (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 59 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 57 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 02 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 02 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.9. Trung tâm Y tế Tuần Giáo (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 56 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 52 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 02 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.10. Trung tâm Y tế Tủa Chùa (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 61 người

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 57 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 06 chỉ tiêu

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 05 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 01 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.11. Trung tâm Y tế Na Sang (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 50 người

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 49 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 01 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 01 chỉ tiêu

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.12. Trung tâm Y tế Mường Lay (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 24 người

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 24 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 01 chỉ tiêu

+ Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 01 người

+ Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người

+ Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.13. Trung tâm Y tế Mường Nhé (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 35 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 35 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 02 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 02 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 0 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

2.14. Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên (đơn vị tự chủ nhóm 3)

- Số lượng ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm: 34 người

- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 14 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 20 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người
- Đề xuất chỉ tiêu chức danh nghề nghiệp hạng II đăng ký xét duyệt là: 07 chỉ tiêu
- + Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 03 người
- + Viên chức chuyên ngành y tế và liên quan khác: 04 người
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: 0 người

3. Đề xuất chỉ tiêu viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026

- Từ Bác sĩ (hạng III)-Mã số V.08.01.03 lên Bác sĩ chính (hạng II)-Mã số V.08.01.02: 37 chỉ tiêu

- + Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 15 chỉ tiêu
- + Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng: 02 chỉ tiêu
- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 03 chỉ tiêu
- + Trung tâm Pháp y: 01 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Điện Biên Đông: 02 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Mường Ảng: 02 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Mường Lay: 01 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Mường Nhé: 02 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Na Sang: 01 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Tủa Chùa: 06 chỉ tiêu
- + Trung tâm Y tế Tuần Giáo: 02 chỉ tiêu

- Từ Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)-Mã số V.08.02.06 lên Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II)-Mã số V.08.02.05: **01** chỉ tiêu

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 01 chỉ tiêu

- Từ Y tế công cộng (hạng III)-Mã số V.08.04.10 lên Y tế công cộng chính (hạng II)-Mã số V.08.04.09: **03** chỉ tiêu

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 02 chỉ tiêu

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 01 chỉ tiêu

- Từ Dược sĩ hạng III - Mã số V.08.08.22 lên Dược sĩ chính hạng II - Mã số V.08.08.21: **04** chỉ tiêu

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 01 chỉ tiêu

+ Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm: 01 chỉ tiêu

+ Trung tâm Y tế Thanh An: 01 chỉ tiêu

+ Trung tâm Y tế Điện Biên Đông: 01 chỉ tiêu

- Từ Chuyên viên - Mã số 01.003 lên Chuyên viên chính - Mã số: 01.002: **01** chỉ tiêu

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 01 chỉ tiêu

- Từ ngạch Kế toán viên (hạng III) - Mã số V.06.031 lên ngạch Kế toán viên chính (hạng II) - Mã số V.06.030: **01** chỉ tiêu

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 01 chỉ tiêu

- Từ Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)-Mã số V.09.02.03 lên Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)-Mã số V.09.02.02: **07** chỉ tiêu

+ Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên: 07 chỉ tiêu

Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Có báo cáo chi tiết Mẫu số 05¹ đính kèm).

Phần IV

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Qua rà soát nhu cầu và điều kiện đăng ký dự xét của viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; số lượng viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026:

(Có danh sách chi tiết Mẫu số 06² đính kèm)

¹ Mẫu số 05 quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

² Mẫu số 06 quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

Phần V

DỰ KIẾN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC LÊN HẠNG II TƯƠNG ĐƯƠNG

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: Do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập.

Hội đồng có 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng; chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng bảo đảm đúng nội quy, quy chế theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người đứng đầu về các hoạt động của Hội đồng; được ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện các quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng theo quy định.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Chánh Văn phòng, Sở Y tế.

+ Các ủy viên Hội đồng: Là đại diện lãnh đạo, chuyên viên các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng.

Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể cách thức tổ chức thẩm định hồ sơ, Phiếu thẩm định hồ sơ và các biểu mẫu phục vụ việc thẩm định hồ sơ; phải đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, khoa học và đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu công việc Hội đồng quyết định việc thành lập Ban thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết) tổ chức thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026

2. Ban Giám sát:

Do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập. Ban Giám sát gồm Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký.

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 26 Chương IV Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Phần VI**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP****I. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC
DANH NGHỀ NGHIỆP LÊN HẠNG II VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG****1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

c) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

d) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

e) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

f) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể dự xét thăng hạng II của chuyên ngành theo Bộ quản lý chuyên ngành quy định

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng viên chức chuyên ngành y, dược, dân số từ hạng III lên hạng II quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ Y tế:

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bác sĩ chính (hạng II), Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II), Y tế công cộng chính (hạng II), Dược sĩ chính (hạng II), Điều dưỡng hạng II, Hộ sinh hạng II, Kỹ thuật y hạng II, Dinh dưỡng hạng II, Dân số viên hạng II phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại mục 1 phần này và trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

- a) Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;
- b) Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;
- c) Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;
- d) Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;
- đ) Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;
- e) Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;
- g) Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;
- h) Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng II viên chức hành chính quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ Nội vụ

Viên chức hành chính xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại mục 1 phần này.
- b) Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật có vị trí việc làm của chức danh viên chức dự xét thăng hạng;
- c) Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng;
- d) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương

đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

đ) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

e) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:

Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng II viên chức Kế toán quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính

Đối với viên chức được cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chuẩn điều kiện sau:

- Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại mục 1 phần này;
- Đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó, phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản, nhiệm vụ khoa học từ cấp cơ sở trở lên, được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ban hành, gồm: Văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học hoặc văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính.

Cấp cơ sở có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, gồm: cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; Cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn,

đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố; Hội đồng nhân dân cấp huyện, các Ban trực thuộc Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố;

Hồ sơ tham gia nghiên cứu, xây dựng văn bản, đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau: Có quyết định tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo hoặc Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền đối với trường hợp không thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo hoặc Tổ biên tập; Có quyết định tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền.

2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng II viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại mục 1 phần này.
- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng chức danh viên chức xét thăng hạng.
- Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.
- Đáp ứng tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của chức danh đăng ký dự xét:

3.1. Từ chức danh bác sĩ (hạng III) - Mã số: V.08.01.03 lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) - Mã số: V.08.01.02 quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025.

a. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng và ngành dịch tễ học); thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt;

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

b. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành;

Có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và cấp cứu chuyên khoa;

Tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Có năng lực tập hợp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ;

Có năng lực chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm.

c. Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng và ngành dịch tễ học), bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt; tối thiểu 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng), bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt hoặc có bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

3.2. Từ chức danh Bác sĩ y học dự phòng (hạng III) - Mã số: V.08.02.06 lên chức danh Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) - Mã số: V.08.02.05 quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2015 và Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ Y tế

a. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ ngành y học dự phòng, thạc sĩ ngành dịch tễ học;

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ y học dự phòng hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề với phạm vi hành nghề y học dự phòng.

b. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới;

Có năng lực xác định yếu tố tác động của môi trường tự nhiên, xã hội, nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe con người;

Có năng lực đề xuất biện pháp can thiệp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;

Có năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu, chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn;

Có năng lực giám sát, đánh giá tác động môi trường và đề xuất giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường;

Có năng lực phát hiện sớm ổ dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và phát hiện vấn đề về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm trong cộng đồng, đề xuất giải pháp thích hợp;

Có năng lực lồng ghép, huy động và phối hợp liên ngành trong thực hiện nhiệm vụ;

Có năng lực chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ (hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm.

c. Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) lên chức danh bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ ngành y học dự phòng; tối thiểu 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ ngành y học dự phòng, tiến sĩ ngành dịch tễ học. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ y học dự phòng (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

3.3. Từ chức danh Y tế công cộng (hạng III) - Mã số: V.08.04.10 lên chức danh Y tế công cộng chính (hạng II) - Mã số: V.08.04.09 quy định tại Thông tư Liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế - Nội vụ và Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế

a. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Y tế công cộng; chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Quản lý y tế; bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên ngành Y học dự phòng.

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng (dùng cho các hạng chức danh y tế công cộng).”

b. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ

Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và phương hướng phát triển của chuyên ngành y tế công cộng ở trong nước và trên thế giới;

Có kỹ năng xác định các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;

Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng và đưa ra biện pháp giải quyết thích hợp;

Lập kế hoạch, đề xuất giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cộng đồng;

Có kỹ năng theo dõi và tham gia đánh giá việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng;

Có kỹ năng giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng, chống dịch tại cộng đồng;

Sử dụng được công nghệ thông tin trong quản lý sức khỏe cộng đồng;

Chủ nhiệm hoặc tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc phát minh khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;

Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh y tế công cộng (hạng III) lên chức danh y tế công cộng chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh y tế công cộng (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh y tế công cộng (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3.4. Từ chức danh Dược sĩ hạng III - Mã số V.08.08.22 lên chức danh Dược sĩ chính hạng II - Mã số V.08.08.21 quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế - Nội vụ và Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế

a. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Dược học.

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược)

b. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ

Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành trong nước và trên thế giới;

Có kỹ năng tổ chức và thực hành tốt trong các lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm;

Có kỹ năng đánh giá, kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược;

Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến/phát minh khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;

Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh dực sĩ (hạng III) lên chức danh dực sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh dực sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dực sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành dực học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dực sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành dực học. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dực sĩ (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

3.5. Từ chức danh Chuyên viên - Mã số 01.003 lên chức danh chuyên viên chính - Mã số 01.002 quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 và Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

a. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

Có khả năng tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác;

Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; có khả năng tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

b. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

c. Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính:

Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên thì thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

3.6. Từ ngạch Kế toán viên (hạng III) - Mã số V.06.031 lên ngạch Kế toán viên chính (hạng II) - Mã số V.06.030 quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính

a. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và phương hướng chủ trương, chính sách của ngành, của đơn vị về lĩnh vực kế toán; công tác kế toán của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

Tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực tài chính, kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

Nắm vững hệ thống kế toán ngành, lĩnh vực khác; quy trình tổ chức công tác kế toán; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác kế toán ở đơn vị sự nghiệp công lập; nắm được những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, am hiểu thực tiễn sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, tình hình kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

Tổ chức triển khai các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

c. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc

chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

3.7. Từ chức danh Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 lên Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02 quy định tại Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng II viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 và Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ trở lên; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

đ) Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản;

e) Chủ trì thực hiện 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước);

g) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp bộ hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh hoặc Hội thi giáo viên

dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên;

Trường hợp viên chức không đạt 01 (một) trong 03 (ba) tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản này thì 01 (một) trong 02 (hai) tiêu chuẩn còn lại phải đạt gấp 02 (hai) lần;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên - Mã số 15.111 hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

Lưu ý: *Việc xác định kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu của từng vị trí việc làm trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện thông qua văn bằng, chứng chỉ của viên chức.*

Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

II. HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 như sau:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng có xác nhận của cơ quan đơn vị quản lý, sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng;

- Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ tin học.

- Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 thì được miễn chứng chỉ tin học ngoại ngữ.

- Bản sao các quyết định: Tuyển dụng viên chức, hết thời gian tập sự, quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp, nâng ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, quyết định cử đi học (nếu có), nâng lương gần nhất;

- Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340mm theo mẫu HS09a-VC/BNV (theo quy định tại Điểm a Khoản 9 Điều 11 Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức).

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại mục I Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng phần này (quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) đối với viên chức dự xét thăng hạng II của chức danh nghề nghiệp.

3. Xác định người trúng tuyển

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP như sau.

3.1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

3.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3.3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức”.

4. Thông báo kết quả xét thăng hạng

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.”.

5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

5.1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương

chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

5.2. Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện theo quy định chức danh nghề nghiệp do Bộ quản lý chuyên ngành quy định và theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Phần VII

THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian: Dự kiến tổ chức xét thăng hạng tháng 4 năm 2026.
2. Địa điểm tổ chức: Tại Hội trường Sở Y tế tỉnh Điện Biên.
3. Kinh phí xét thăng hạng.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng, công chức, viên chức.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÉT THĂNG HẠNG

1. Giám đốc Sở Y tế

Phê duyệt Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 và Ban Giám sát kỳ xét theo quy định.

Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Quyết định danh sách cán bộ, công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật

Lưu trữ tài liệu theo quy định kể từ ngày Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng bàn giao hồ sơ, tài liệu cho lưu trữ của cơ quan quy định tại khoản Điều 28 Chương IV Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Hội đồng xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau

- Thông báo Kế hoạch, nội quy, hình thức, nội dung thời gian và địa điểm xét thăng hạng.

- Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết): tổ chức thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

- Tổ chức xét hồ sơ thăng hạng theo quy định.

- Giải quyết khiếu nại tố cáo trong quá trình xét thăng hạng theo quy định của Pháp luật.

Lưu trữ tài liệu theo quy định tại Điều 28 Chương IV Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Ban giám sát kỳ xét thăng hạng

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Chương IV Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Văn phòng Sở Y tế

Tham mưu trình Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 và Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng.

Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của

Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 và tham mưu cho Hội đồng triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

Tham mưu Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 ban hành Kế hoạch tổ chức xét và phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng xét; đồng thời tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 thành lập Ban Thẩm định các bộ phận giúp việc theo quy định.

Phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức kỳ thi.

Tổng hợp, tham mưu cho Sở Y tế quyết định công nhận kết quả đối với công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 theo quy định.

Công bố trên cổng thông tin của Sở Y tế quy trình thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026.

Cân đối kinh phí trong chi thường xuyên để chi trả các chế độ theo quy định hiện hành đảm bảo việc thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

5. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Hướng dẫn và kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức xét thăng hạng đảm bảo đúng quy định pháp luật.

6. Các đơn vị trực thuộc, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, tổ chức

Xây dựng cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan, đơn vị; lập danh sách và chịu trách nhiệm theo quy định về việc đăng ký, cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 và báo cáo Sở Y tế tỉnh (qua Văn Phòng Sở Y tế tổng hợp).

Thông báo nội dung Đề án, Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 tới các cán bộ viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thuộc thẩm quyền quản lý.

Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển phù hợp với vị trí việc làm sau khi có quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án, Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026 khi có yêu cầu.

Tham gia các ban/tổ của Hội đồng Xét thăng hạng theo đúng kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có trách nhiệm đăng tin, đưa tin về Đề án này và các nội dung có liên quan công tác xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng Xét thăng hạng viên chức Ngành Y tế theo quy định.

b) Cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch, thăng hạng.

Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế thi nâng ngạch công chức và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương của Ngành Y tế tỉnh Điện Biên năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Điện Biên (để b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang thông tin Sở Y tế;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam